

THAY ĐỔI SINH KẾ CỦA HỘ NÔNG DÂN VÙNG VEN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

Lê Ánh Dương^{1*}, Phạm Thị Mỹ Dung²

¹*Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ²Hội Kế toán kiểm toán*

Email : leanhduongtwdtn@gmail.com*

Ngày gửi bài: 09.01.2017

Ngày chấp nhận: 27.04.2017

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện tại vùng ven thành phố Nam Định nhằm: (i) Phân tích thay đổi và nguyên nhân thay đổi sinh kế của hộ nông dân vùng ven; (ii) Đưa ra một số đề xuất giúp nông dân lựa chọn thay đổi sinh kế trong thời gian tới. Nghiên cứu tập trung vào thay đổi hoạt động sinh kế với thông tin từ khảo sát 180 hộ nông dân trong vùng. Kết quả cho thấy các hộ vùng ven dựa vào 4 nhóm hoạt động chính là (1) Nông nghiệp; (2) Công nhân và làm thuê; (3) Thương mại và dịch vụ; (4) Hoạt động khác. Thay đổi hoạt động sinh kế dẫn đến thay đổi cơ cấu hộ nông dân vùng ven. Tỷ lệ các hộ dựa chủ yếu vào nông nghiệp giảm từ 52,11% năm 2011 xuống còn 40,53% năm 2015. Tỷ lệ các hộ chủ yếu hoạt động nhóm 2 và 3 tăng từ 34,37 lên 52,54%. Tỷ lệ nhóm 4 giảm từ 13,18 xuống 7,13%. Số lượng nghề kiếm sống, thu nhập và điều kiện sống của các hộ đã tăng lên. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới thay đổi sinh kế hộ gồm thiên tai dịch bệnh; Phát triển đô thị; Các chính sách hỗ trợ; Thay đổi vốn sinh kế và ý thức của hộ. Một số đề xuất gồm: Cung cấp đầy đủ thông tin để tránh rủi ro cho hộ; Thay đổi hoạt động sinh kế phù hợp với thay đổi đô thị trung tâm thành phố; Hỗ trợ nông dân cải thiện vốn sinh kế; Thúc đẩy nông dân sáng tạo thay đổi sinh kế; Hoàn thiện một số chính sách và quy định liên quan tới hộ nông dân.

Từ khóa: Thay đổi sinh kế, hộ nông dân, vùng ven thành phố Nam Định.

Livelihood Change of Farmhouseholds in the Suburb of Nam Dinh City during Urbanization

ABSTRACT

The research was carried out in the suburban area of Nam Dinh city to: (i) to analyze changes of livelihoods of farm households in the area, (ii) to suggest recommendations to help farm households select livelihood changes in coming time. The research focused on livelihood activity changes based on surveying 180 farm households in the area. The research showed that the livelihoods of the farm households mainly relied on four main activity groups (1) agriculture, (2) worker and hired labor, (3) trade and service and (4) other activity. Livelihood activity change caused structural change of farm household. The households engaged in agricultural activities decreased from 52.11% in 2011 to 40.53% in 2015; the proportion of households engaged in groups 2 and 3 increased from 34.37 to 52.54%; the percentage of household engaging in other activities decreased from 13.18 to 7.13%. The number of jobs, income and living conditions of the households increased. The main factors affecting livelihood changes of the farm households included natural calamity, disease epidemics, urban development, support policy, livelihood capital change and household attitude. Based on these results, the following recommendations were proposed: providing sufficient information to prevent risk for the households, changing livelihood activities to match changing in centre urban of the city, supporting farm households to improve livelihood capitals as basis for livelihood activity changes, promoting farm household' creativity for livelihood activity changes, and improving some policies and regulations related to farm households.

Keywords: Livelihood change, farm household, suburb of Nam Dinh city.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những thách thức lớn cho phát triển nông thôn Việt nam là nâng cao mức sống, tạo việc làm, tạo nghề, chuyển đổi nghề cho nông dân. Những điều này đều liên quan tới sinh kế của hộ nông dân vì hiểu đơn giản nhất thì sinh kế hộ nông dân là các cách thức kiếm sống của hộ thông qua các hoạt động để tạo thu nhập, việc làm hoặc nghề nghiệp (Chambers and Conway, 1992), (Viện ngôn ngữ học, 2000). Thay đổi sinh kế hộ nông dân kéo theo nhiều thay đổi khác trong nông thôn như cơ cấu xã hội, nghề nghiệp, mức sống, lối sống, văn hóa (Chambers and Conway, 1992; Bùi Văn Tuấn, 2015; Ann Whitehead, 2002) nên cần được đánh giá để có những hướng dẫn, chỉ đạo và hỗ trợ phù hợp. Đây cũng là vấn đề với các hộ nông dân vùng ven thành phố Nam Định nhất là sau khi thành phố được nâng cấp từ đô thị loại II lên đô thị loại I. Đứng trước bối cảnh thay đổi chung thì chính quyền và người dân đang rất quan tâm về việc thay đổi sinh kế trong thời gian qua và sự thay đổi tiếp theo để tìm ra giải pháp cải thiện sinh kế phù hợp với bối cảnh mới. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng thay đổi sinh kế của các hộ dân vùng ven thành phố Nam Định, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi sinh kế hộ, từ đó đề xuất các giải pháp giúp hộ nông dân lựa chọn thay đổi sinh kế phù hợp với bối cảnh mới trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đã chọn 6 trong 12 xã vùng ven để khảo sát. Hai tiêu chí chủ yếu để chọn xã là khoảng cách đến đô thị trung tâm thành phố và phân bố ở 3 phía bắc, đông, Nam của thành phố (Không chọn phía tây vì giáp sông). Các xã được chia thành 2 nhóm là nhóm I và nhóm II với các đặc điểm như sau: Nhóm I gồm 3 xã Nam Phong, Lộc Hòa và Mỹ xã. Các xã này nằm sát khu vực đô thị trung tâm thành phố, đô thị hóa sớm và cao hơn. Nhóm II gồm 3 xã Đại An, Mỹ Hưng và Nam Mỹ. Các xã này nằm vùng ngoài so với nhóm I, đô thị hóa muộn và thấp hơn. Ngoài thông tin thứ cấp và các thảo luận PRA, nghiên cứu đã điều tra 180 hộ nông dân để thấy

sự thay đổi sinh kế giai đoạn 2011-2015. Mỗi xã chọn 30 hộ dựa trên 2 căn cứ là thời gian lập hộ từ trước năm 2010 và 2 hướng kiếm sống chính là dựa vào nông nghiệp và dựa vào ngoài nông nghiệp. Dựa vào thực tế của từng xã để chọn hộ đại diện theo các tiêu chí trên. Thông tin sơ cấp được thu thập qua thảo luận nhóm, khảo sát cán bộ cơ sở và hộ nông dân. Phương pháp phân tích chủ yếu là thống kê mô tả, so sánh và nghiên cứu tình huống. Các chỉ tiêu chính sử dụng trong nghiên cứu gồm số lượng hộ phân theo các hoạt động sinh kế, số lượng các hoạt động sinh kế, thu nhập và cơ cấu thu nhập.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát quá trình đô thị hóa thành phố Nam Định

Thành phố Nam Định được hình thành từ thế kỷ thứ XIII, năm 1954 đã là đô thị lớn thứ 3 miền Bắc, năm 1998 là đô thị loại II và 2011 là đô thị loại I. Từ đây bắt đầu triển khai Chương trình phát triển đến 2020, định hướng 2025 (UBND thành phố Nam Định, 2011).

Tuy giai đoạn đầu đô thị hóa chưa cao nhưng đã diễn biến khá rõ qua cơ cấu hộ, dân số, lao động, đặc biệt số cơ sở sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ trên địa bàn tăng rất nhanh. Thành phố thay đổi nhiều lần nên vùng ven cũng không ổn định, số xã vùng ven lên xuống thất thường, từ năm 2004 đến nay là 12 xã nhưng địa giới xã lại luôn thay đổi. Thể hiện rõ nhất của đô thị hóa vùng ven là phát triển hệ thống giao thông vào thành phố; Chuyển dân, bệnh viện, nhà máy từ trung tâm ra vùng ven. Tuy mới là bước đầu nhưng sinh kế hộ nông dân vùng ven đã có những thay đổi.

3.2. Thực trạng thay đổi sinh kế của các hộ nông dân vùng ven thành phố nam định

3.2.1. Đặc điểm của hộ nông dân điều tra

Qua đây cho thấy: Tỷ lệ hộ lấy sinh kế chính từ nông nghiệp ít hơn loại dựa chính vào ngoài nông nghiệp; Trình độ các hộ thấp; Điểm khác nhau lớn nhất giữa hai nhóm hộ là diện tích đất nông nghiệp.

Bảng 1. Một số thể hiện của đô thị hóa thành phố Nam Định

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2015	2015/2010 (%)
1	Tổng diện tích	ha	4643	4641	99,95
	-Trong đó đất nông nghiệp	-	1328	1317	99,17
2	Số hộ	Hộ	78 033	80191	102,76
	-Tỷ lệ hộ thành thị	%	81,20	83,03	
3	Dân số	Người	234300	251628	107,39
	-Tỷ lệ dân thành thị	%	79,94	80,29	
4	Số lao động	Người	110167	103708	94,13
	-Tỷ lệ công nghiệp, dịch vụ	%	93,12	95,08	
5	Số cơ sở công nghiệp	Cơ sở	1286	1892	147,12
6	Số cơ sở TM-DV	Cơ sở	11810	15361	130,06
7	Số Khu công nghiệp	KCN	-	3	

(Nguồn: Cục thống kê thành phố Nam định, 2015)

Bảng 2. Một số thông tin về hộ được chọn khảo sát

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm I	Nhóm II	Vùng ven
1	Số hộ điều tra	Hộ	90	90	180
	Trong đó chủ yếu nông nghiệp	-	30	40	70
2	Số người /hộ	Người	4,61	4,55	4,58
3	Số lao động/hộ	Người	2,39	2,53	2,46
4	Đất nông nghiệp/hộ	m ²	927	3 490	2 208
5	Chủ hộ				
	-Tuổi bình quân	Tuổi	51	53	52
	-Văn hóa	%			
	Tiểu học		12,0	39,1	25,9
	THCS		40,1	26,4	33,5
	THPT		26,5	20,7	23,5
	-Sơ cấp trở lên	%	20,5	13,8	17,1

(Nguồn: Điều tra hộ, 2016)

3.2.2. Thay đổi sinh kế của hộ nông dân vùng ven

- Thay đổi hoạt động sinh kế: Hộ nông dân thường có một số hoạt động nhưng trong đó có hoạt động sinh kế chính. Thay đổi hoạt động sinh kế thể hiện qua thay đổi hoạt động chính của các lao động tạo thu nhập cho hộ.

Thay đổi hoạt động sinh kế đã làm thay đổi cơ cấu hộ theo nghề nghiệp kiếm sống. Tỷ lệ hộ dựa chủ yếu vào nông nghiệp giảm, số dựa chính vào ngoài nông nghiệp tăng lên. Tỷ lệ hộ dựa chính vào hoạt động khác giảm đi rõ rệt vì

những hộ kiếm sống xa quê, cán bộ về hưu và bộ đội xuất ngũ trở về tham gia vào nông nghiệp, ngành nghề, làm thuê, xe ôm, nhà trọ,....Thay đổi hoạt động sinh kế theo hướng tìm kiếm sinh nhai gần quê, gần nhà vừa có lợi cho xã hội và gia đình. Số lượng các nghề kiếm sống cũng thay đổi từ 1-3 nghề/hộ trước đây lên 2-4 nghề/hộ. Bình quân mỗi hộ vùng I có 2,59 nghề, mỗi hộ vùng II có 2 nghề. Hầu hết các hộ đều có ít nhất 1 người làm việc ngoài nông nghiệp theo kiểu sáng đi tối về với lương tháng hoặc công ngày. Như vậy đã thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động và nghề nghiệp trong nội bộ hộ.

Bảng 3. Thay đổi hoạt động sinh kế của các hộ nông dân (% theo số hộ điều tra)

Hoạt động sinh kế	Nhóm I		Nhóm II		Vùng ven	
	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2011	Năm 2015
Nông nghiệp là chính	50,11	34,13	54,11	46,93	52,11	40,53
Công nhân, làm thuê là chính	26,89	37,62	20,17	36,72	23,53	37,24
Thương mại, dịch vụ là chính	15,12	21,97	7,24	8,37	11,18	15,17
Hoạt động khác là chính	7,88	6,28	18,48	7,98	13,18	7,13
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Điều tra hộ, 2016

Bảng 4. Thu nhập của hộ nông dân vùng ven thành phố Nam Định

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm I		Nhóm II		Vùng ven	
		2011	2015	2011	2015	2011	2015
1. Thu nhập 1 khẩu/tháng	Trđ	2,67	3,03	2,37	2,60	2,52	2,82
2. Cơ cấu thu nhập	%						
Từ nông nghiệp	-	47,56	39,65	49,17	44,09	48,31	41,69
Từ công nhân và làm thuê	-	27,24	26,84	30,09	27,45	28,57	27,12
Từ thương mại dịch vụ	-	14,23	22,62	10,19	16,89	12,34	19,99
Từ nguồn khác	-	10,98	10,88	10,56	11,57	10,78	11,20

Nguồn: Điều tra hộ, 2016

Tuy hoạt động sinh kế thay đổi nhưng tính chất nông nghiệp vẫn thể hiện rõ. Nhiều hộ dù lấy ngoài nông nghiệp là chính nhưng vẫn làm nông nghiệp để tận dụng đất và lao động. Trong nông nghiệp hoạt động trồng trọt chiếm tỷ lệ lớn và đang tăng lên từ 52,9% năm 2011 lên 63,6% năm 2015. Hoạt động nông nghiệp thay đổi rõ nhất là việc chuyển từ làm lúa sang hoạt động nông nghiệp khác nên đã có những mô hình như nuôi cá đặc sản; gọt cá bột; nuôi cá lươn lúa; ghép đào rừng; nuôi trâu bò chợ Viềng; khai thác cơm thừa, nước gạo từ bếp ăn khu công nghiệp; lợn-rươi cây cảnh... Các mô hình mới đều có hiệu quả cao hơn trước đây nên các hộ nông nghiệp thường vào loại khá.

- Thay đổi thu nhập từ hoạt động sinh kế của hộ: Thay đổi hoạt động sinh kế dẫn đến thay đổi thu nhập, cơ cấu thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho hộ.

Thu nhập và mức sống tăng lên nên 104/180 hộ đã có tích lũy từ 5 - 30 triệu đồng/hộ. Số tích lũy thường được đầu tư mua sắm tài sản cho sản xuất và sinh hoạt. Hộ nhóm I có mức sống cao hơn và đô thị hơn nhóm II. Đa số hộ

nhóm I có 2 vô tuyến, tủ lạnh, máy giặt, nhà mái bằng. Các hộ hài lòng với thay đổi mức sống nên rất khó để tìm ra hộ nghèo. Tính chung các hộ điều tra thì tỷ lệ thu nhập từ nông nghiệp giảm đi, đến 2015 chỉ còn 41,69% nhưng với các hộ kiếm sống dựa chủ yếu vào nông nghiệp thì có thu nhập và mức sống cao vì các hộ này đã tập trung vào rau, hoa, cây cảnh, thủy sản, chăn nuôi trâu bò...

3.3. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến thay đổi sinh kế hộ nông dân vùng ven

3.3.1. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

- Ảnh hưởng của thiên tai và dịch bệnh: Các hộ vùng ven thường bị chuột phá và hạn úng cục bộ ảnh hưởng tới lúa, rau, cây vụ đông nên phải thay đổi hoạt động sinh kế. Theo báo cáo của các xã thì chuột phá làm mất thu hoạch khoảng 9,13% diện tích cây hàng năm. Cơ sở hạ tầng chính cho sản xuất nông nghiệp tốt hơn nhưng hạ tầng nội đồng không được chú ý gây úng lụt cục bộ không sản xuất được hoặc không cho thu hoạch nên phải bỏ ruộng để làm nghề khác.

Hộp 1. Máy sào ruộng nhà bác cũng chỉ để không đó

Hiện tại bác đang làm nghề chạy xe ôm, một ngày nếu kiếm kha khá cũng được 100 - 300 nghìn, cũng vất vả lắm vì dù mưa hay nắng cũng cứ phải ở ngoài trời để đón khách. Nhưng như vậy dù sao cũng kiếm được đồng tiền hơn là trồng lúa vì có cấy thì lúc gặt chuột bọ phá chỉ còn được vài ôm lúa. Vì vậy máy sào ruộng nhà bác cũng chỉ để không, thà đi làm xe ôm còn hơn. Nếu xã cho chuyển đất này sang đào ao hoặc trồng các cây ít bị chuột phá thì bác bỏ xe ôm vì làm nghề nông thì bác gái và con dâu cũng tham gia được.

Nguồn: Nguyễn Văn Tuấn, 53 tuổi, xã Nam Phong trao đổi trong thảo luận nhóm, tháng 4/2016

Bảng 5. Ảnh hưởng của việc thu hồi đất đến sinh kế hộ (hộ)

Điểm nghiên cứu	Không AH	ít AH	AH lớn	AH rất lớn
Nhóm I	13	25	21	24
Nhóm II	11	15	19	42
Vùng ven	24	40	40	66

(Nguồn: Điều tra hộ, 2016)

- *Ảnh hưởng của đô thị hóa:* Việc mất đất và ô nhiễm làm giảm việc làm và thu nhập từ sinh kế nông nghiệp nhưng ngược lại phát triển các cụm công nghiệp và đô thị trung tâm lại tạo thêm nhiều việc làm. Từ 2011 - 2015 hộ vùng ven bị mất khoảng 300 ha nhưng các hộ nhóm I chịu ảnh hưởng là chính. Do mất đất nên 93,2% số hộ chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ hoạt động nông nghiệp sang hoạt động khác, số còn lại 6,8% không chuyển hoạt động mà chuyển đổi nội bộ trong hoạt động nông nghiệp để có giá trị cao hơn.

Theo khảo sát thì 58,8% số hộ bị ảnh hưởng lớn và rất lớn còn 41,1% không hoặc ít bị ảnh hưởng. Các hộ mất nhiều đất thường chuyển sang làm thuê, làm công nhân, làm nhà trọ, bán hàng, trồng hoa, cây cảnh. Một số hộ chỉ còn lại một ít đất với diện tích nhỏ, xen kẹt, ô nhiễm, cơ sở hạ tầng kém nên bỏ đất hoang hóa, nghiêm trọng nhất là xã Mỹ Xá vì hiện nay cả xã chỉ còn hơn 60 ha đất nông nghiệp nhưng lại bị chia cắt thành 4 khu vực, sở sở hạ tầng nội đồng bị phá vỡ.

Phát triển đô thị và công nghiệp đã bắt đầu ảnh hưởng tới nguồn nước tưới từ sông, cống

rãnh bị tắc vì rác thải. Theo đánh giá, ô nhiễm môi trường được cho là lớn nhất. Thang điểm tối đa là 4 thì ô nhiễm có điểm bình quân là 3,5. Các hộ nhóm II bị ô nhiễm nhiều hơn vì ngoài ảnh hưởng chung thì còn bị ảnh hưởng của chính các hoạt động từ hộ như chăn nuôi, trồng quýt, làng nghề.

Đô thị hóa cũng ảnh hưởng tích cực đến thay đổi sinh kế của hộ nông dân vùng ven vì làm tăng vốn tài chính, tạo thêm việc làm... Một số hộ có thêm vốn tài chính do tiền đền bù đất hoặc bán đất. Các hộ đã sử dụng 35% tiền đền bù hoặc bán đất để đầu tư vào thay đổi nghề, mở rộng và tăng chất lượng nghề cũ. Với nông nghiệp thì tập trung cho thủy sản và hoa cây cảnh. Với ngoài nông nghiệp thì ưu tiên mua phương tiện kinh doanh, xây phòng trọ, cửa hàng, học nghề từ đó thúc đẩy các hoạt động mới. Đô thị hóa cũng giúp các hộ dễ tìm việc gần nhà hơn vì vậy nhiều lao động đi làm xa đã dần trở về, điều này có lợi cho cả gia đình và xã hội.

- *Ảnh hưởng của chính sách:* Các chính sách đã góp phần giúp các hộ thay đổi sinh kế, trực tiếp nhất là các chính sách liên quan phát triển cơ sở

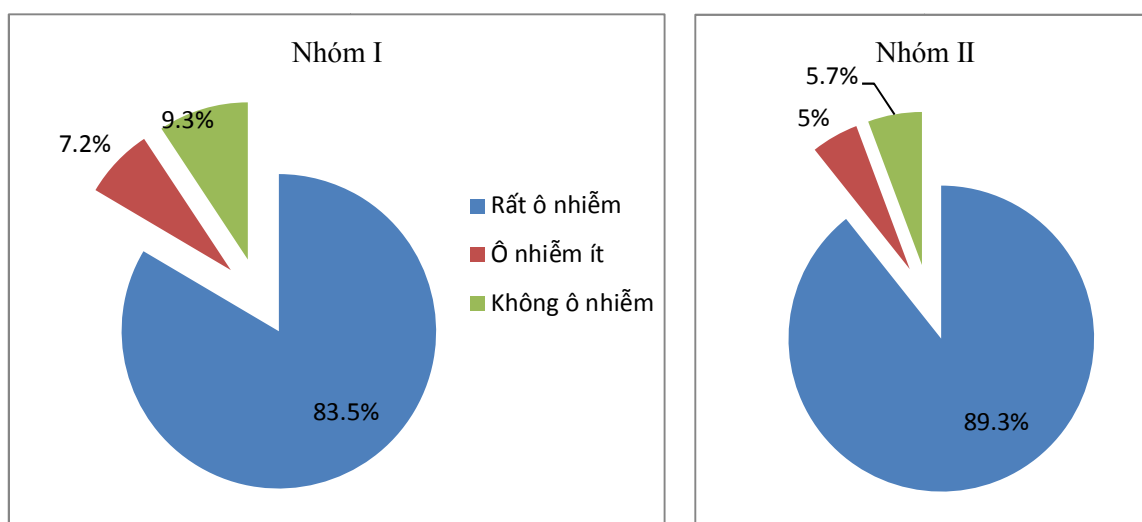
hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, tín dụng ưu đãi, nước sạch nông thôn, đào tạo nghề... Đặc biệt gần đây chính sách chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả (Bộ NN và PTNT, 2014) rất phù hợp với nông dân nên đã tạo nên nhiều mô hình hiệu quả và thúc đẩy tích tụ ruộng đất trong nông thôn. Tuy vậy các chính sách vẫn còn những hạn chế như quy định chuyển đổi đất xen kẹt chưa cụ thể, hỗ trợ hạ tầng không đồng bộ, đào tạo nghề không dựa trên nhu cầu đổi nghề... Có 4,2% ý kiến cho rằng hỗ trợ từ chính sách là không đáng kể; 18% cho rằng tập huấn không có tác dụng; một số cho rằng chính quyền và đoàn thể không có vai trò trong nông thôn. Thậm chí có người đã có tới 24 năm bộ đội và bí thư đoàn lại xin ra khỏi Đảng để tập trung làm trang trại.

3.3.2. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

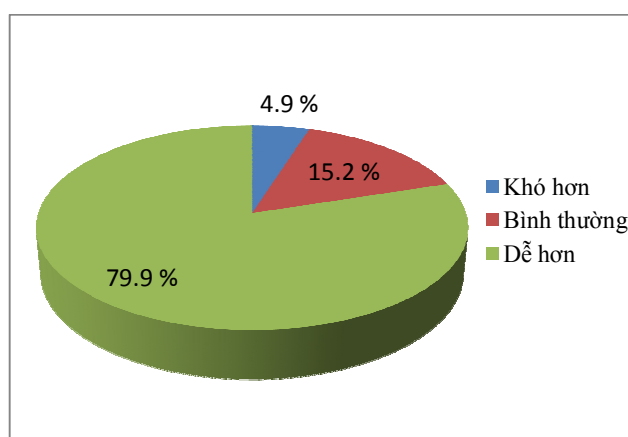
- Ảnh hưởng từ nhận thức của hộ: Nhận thức của hộ nông dân đã thay đổi nên đã tăng ý thức bảo vệ môi trường, năng động tìm kiếm cách cải thiện sinh kế. Tuy vậy một số hộ vẫn chưa thực hiện tốt quy định về xử lý rác thải, rơm rạ, xác gia súc bệnh, bao bì vật tư, bảo vệ sông, cống rãnh.

Ý thức khai thác, cải tạo đất của nông dân cũng không đồng đều, một số hộ chăm lo cải tạo đất để thay đổi sản xuất, một số khác chỉ mong chờ được thu hồi đất nên tỷ lệ bỏ hoang hóa có lúc lên tới 9,8% (Trần Mạnh tiến, 2013).

- Ảnh hưởng từ tiếp cận thông tin và đầu tư: Các hộ tiếp cận thông tin từ nhiều hướng



Hình 1. Đánh giá của người dân về mức độ ô nhiễm môi trường



Hình 2. Khả năng tìm việc làm gần nhà so với trước đây

Hộp 2. Hoa cây cảnh và môi trường

Do mất đất nên các hộ nông dân đã chuyển hướng từ canh tác lúa và cây hàng năm sang các cây hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao. Điển hình như xã Nam phong do mất đất lại trở nên giàu có nhờ chuyển lúa sang hoa và quýt. Để có được những luống hoa cúc, hoa hồng, quýt, đào... tươi tốt thì nông dân phải sử dụng nhiều thuốc BVTV. Điều đáng nói hầu hết các chai, lọ, bao thuốc sau khi sử dụng đều được bỏ lại tại cánh đồng.

Nguồn: Các tác giả thu thập từ lớp tập huấn Truyền thông môi trường tại Nam Định từ 6-9/6/2016

Bảng 6. Lý do hộ ít đầu tư cho mở rộng sản xuất

Địa điểm nghiên cứu	Nguyên nhân		
	Thiếu vốn	Không có kinh nghiệm	Sợ rủi ro
Nhóm I	83,7	34,6	21,3
Nhóm II	89,5	52,1	55,9
Trung bình	86,6	43,4	38,6

Nguồn: Tổng hợp điều tra hộ nông dân, 2016

nên họ khá nhạy bén trong thay đổi hoạt động sinh kế nhưng do thông tin không đầy đủ, không kịp thời nên nhiều trường hợp gặp rủi ro. Một thông tin rất đáng quan tâm là Chương trình và quy hoạch phát triển thành phố đến năm 2020 nhưng hầu hết các hộ không biết cụ thể mà chỉ hiểu rất chung nên họ thường thay đổi theo tình huống, theo đám đông dẫn đến rủi ro. Khi thấy tin đồn công nhân khu công nghiệp tăng thì hàng loạt hộ xây nhà trọ; Khi thấy thông tin sẽ có nhiều khách sạn nhà hàng thì hàng loạt hộ nuôi bò, nuôi cá đặc sản; Khi thấy thông tin sẽ thu hồi đất thì hàng loạt hộ bỏ lúa trồng hoa để lấy đền bù cao. Thông tin không đầy đủ nên nông dân thường theo đám đông và rụt rè trong đầu tư nên tài sản sản xuất kinh doanh mỗi hộ chỉ từ 40 -100 triệu đồng nhưng chủ yếu hộ sử dụng vốn tự có. Chỉ có 12,6% số hộ sử dụng vốn vay nhưng trong đó vay từ các tổ chức tín dụng chỉ chiếm 40,1%. Hộ ít đầu tư vì thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm với các sản xuất mới và sợ rủi ro.

- *Ảnh hưởng của vốn sinh kế:* Các hộ cũng có 5 loại vốn sinh kế nhưng do mỗi loại có một số tiêu chí khác nhau nên trong nghiên cứu đã cho điểm các tiêu chí để tổng hợp thành điểm chung cho từng loại vốn và tổng vốn. Tổng điểm của 5 loại vốn đạt tối đa 20 và phân thành 4 mức là kém, trung bình, khá, tốt. Vốn sinh kế của các hộ vùng ven tăng lên từ 8,65 điểm lên 9,50 nhưng với số điểm như vậy thì cũng chỉ ở mức trung bình. Vốn tự nhiên giảm, vốn con người ít thay đổi nhất; vốn tài chính, vốn vật chất, vốn xã hội tăng lên.

Thay đổi vốn sinh kế làm thay đổi hoạt động sinh kế. Đất nông nghiệp giảm nên một số hộ đã chuyển sang cây con khác có giá trị cao hơn. Một số hộ khác bán số đất còn lại lấy tiền cho đổi nghề. Vốn tài chính tăng lên do tích lũy được đầu tư mua công cụ cho hoạt động vận chuyển, làm đất. Tình trạng vốn như vậy có tác động cải thiện sinh kế nhưng chưa thay đổi thật mạnh mẽ.

3.4. Một số đề xuất giúp hộ nông dân vùng ven lựa chọn thay đổi sinh kế trong thời gian tới

3.4.1. Cung cấp đầy đủ thông tin để giúp hộ tránh rủi ro khi thay đổi sinh kế

Để tránh rủi ro cho hộ khi quyết định thay đổi sinh kế thì cần cung cấp các thông tin nhất là thông tin về sự thay đổi của thành phố và vùng ven cũng như một số chính sách liên quan. Một trong những thay đổi lớn là chiến lược phát triển thành phố Nam định từ 2016-2020, định hướng 2025 với mục tiêu thành phố trở thành trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Trong giai đoạn tới một số xã sẽ lên phường, vùng ven sẽ mở rộng và thay đổi mạnh mẽ hơn, sôi động hơn và đặt ra nhiều nhu cầu mới vì vậy cần cho các hộ hiểu chi tiết. Cung cấp thông tin cho hộ nông dân vùng ven có thể thông qua phương tiện thông tin đại chúng nhưng sát nhất là qua phổ biến của chính quyền, đoàn thể và các lớp tập huấn.

3.4.2. Hướng dẫn hộ nông dân thay đổi sinh kế phù hợp với thay đổi đô thị trung tâm thành phố

Các hoạt động sinh kế đáp ứng được nhu cầu phát triển thành phố sẽ tạo kết quả sinh kế cao hơn cho hộ nông dân. Việc xây dựng các khu chức năng và di dời các khu công nghiệp, nhà máy từ trung tâm thành phố ra ngoài sẽ tiếp tục thay đổi quan hệ giữa các nhóm hoạt động sinh kế nhưng để hộ có thu nhập cao hơn thì còn phải thay đổi hoạt động trong từng nhóm. Hoạt động nông nghiệp vùng ven tập trung vào cung cấp cho nội đô và các khu công nghiệp nên cần chuyển từ nông nghiệp thông thường sang nông nghiệp an toàn, hữu cơ; từ lúa sang cây cảnh, hoa, cá; từ nông nghiệp cho thị trường chung sang nông nghiệp cho các thị trường ngách phục vụ cho lễ hội, các trường đại học, tổ hợp dệt may. Hoạt động làm thuê, làm công nhân chuyển từ phổ thông sang có tay nghề, chuyển từ chân tay sang công nhân trí thức. Hoạt động dịch vụ, bán hàng, cho thuê nhà trọ chuyển từ không chuyên nghiệp sang chuyên nghiệp, từ không đăng ký sang có đăng ký. Công nghiệp dệt may phát

triển thành tổ hợp sang phía Nam trực, Vụ bản nên hoạt động sinh kế vùng ven phía này có thể chuyển sang hậu cần cho phụ nữ, trẻ con và gia đình trẻ.

3.4.3. Hỗ trợ nông dân cải thiện vốn sinh kế làm cơ sở cho thay đổi hoạt động sinh kế

Vốn sinh kế là một yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới thay đổi hoạt động sinh kế. Để cải thiện vốn sinh kế một mặt các hộ chịu trách nhiệm nhưng mặt khác cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Các hỗ trợ nên hướng vào mấy điểm sau: Hỗ trợ đào tạo cần hướng vào nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao; Đào tạo nghề may và cơ khí với trình độ lành nghề; Đào tạo các kỹ năng, nguyên tắc bán hàng, cho thuê trọ, làm thuê đô thị. Hỗ trợ vốn cần hướng vào tháo gỡ các khó khăn trong vay vốn tín dụng và kích thích nhu cầu vay vốn đầu tư thay đổi nghề, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cấp các trang thiết bị cho sản xuất. Hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng nội đồng quan trọng nhất là hệ thống tưới cho rau, hoa và quýt; hệ thống đổi nước cho các mô hình lúa-cá; chống chuột, chống úng lụt cục bộ, chống ô nhiễm nguồn nước sông. Hỗ trợ cải thiện vốn xã hội tập trung vào thành lập lại HTX nông nghiệp, HTX chuyên khâu, hội cây cảnh, thủy sản, chăn nuôi trâu bò, tổ xe ôm... vì hiện nay nhiều xã hộ nông dân tự hoạt động sinh kế, không có sự hỗ trợ của cộng đồng.

3.4.4. Thúc đẩy nông dân sáng tạo trong thay đổi hoạt động sinh kế hộ

Vận dụng linh hoạt các tiếp cận lấy nông dân là trung tâm phát triển như tiếp cận Nông nghiệp-Nông dân-Nông thôn, tiếp cận lấy nông dân làm trung tâm trong khung sinh kế của IFAD, tiếp cận nông dân dẫn dắt sáng tạo từ Chương trình FLAIR của Oxfam Mỹ... Để thúc đẩy các hộ vùng ven sáng tạo và uyển chuyển trong thay đổi hoạt động sinh kế thì có thể: Tổ chức các cuộc thi sáng tạo, sáng kiến không chuyên; thu hút và hỗ trợ nông dân tham gia nghiên cứu giải quyết các vấn đề của địa phương, thử nghiệm các mô hình kinh doanh nông nghiệp vùng ven theo kiểu nông dân Nhật bản, nâng cao năng lực quản lý hộ cho nông

dân... Cần phổ biến, nhân rộng các mô hình sinh kế sáng tạo của chính vùng ven cá luồn lúa, quýt ruộng; đào rừng; trâu bò chợ Viêng; cơm thừa - nước gạo công nghiệp; lợn-rượu-cây cảnh. Muốn vậy cần sử dụng một số kinh phí khuyến nông hoặc quỹ hỗ trợ nông dân để tổng kết, đánh giá và sau đó phổ biến, tập huấn, hỗ trợ các hộ khác làm theo với sự dẫn dắt của các hộ hạt nhân.

3.4.5. Hoàn thiện một số chính sách và quy định liên quan tới hộ nông dân

Xác định đúng loại hộ được hỗ trợ cải thiện sinh kế: Qua khảo sát ở vùng ven cho thấy một số hộ nông dân nhưng thực chất chỉ là “Hộ nông dân danh nghĩa” vì trong thời gian dài hộ không có hoạt động nông nghiệp do đã bán, cho đất và cũng không có thể hệ tương lai theo nghề nông nghiệp. Tuy vậy một số trong đó vẫn là cán bộ hội nông dân, được tập huấn, tham quan và thay mặt các nông dân thực sự. Các vùng ven, vùng gần thành phố và khu công nghiệp thì số hộ nông dân danh nghĩa nhiều hơn vùng khác. Vì vậy nhà nước nên có chính sách và quy định chỉ hỗ trợ những hộ nông dân thực sự thay đổi sinh kế. Với hộ nông dân danh nghĩa thì hỗ trợ để chuyển ra khỏi thành phần nông dân. Các hộ nông dân thực sự ít nhất phải có 2 tiêu chuẩn cứng là hộ có quyền sử dụng đất và đang có các hoạt động nông nghiệp.

Triển khai chính sách đào tạo nghề cho chuyển đổi sinh kế cần dựa trên nhu cầu thực tế của hộ để đào tạo phù hợp, tránh việc mở lớp đào tạo theo chỉ tiêu đưa từ trên xuống bắt buộc các địa phương tiếp nhận và tạo nên tình trạng cử người cho đủ danh sách hoặc cử người “chuyên môn hóa đi học” để ký danh sách cho giải ngân.

Ban hành văn bản hướng dẫn rõ ràng khi thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất nhằm khuyến khích các hộ không có nhu cầu đất sản xuất chuyển nhượng cho các hộ khác một cách công khai, pháp lý để bảo đảm quyền lợi lâu dài cho các hộ mua đất cho hoạt động nông nghiệp lâu dài.

Các địa phương cần có những quy định cụ thể và kiểm tra giám sát và ngăn chặn việc chuyển đổi sinh kế theo hướng tiêu cực ở vùng ven như bảo kê, bán hàng cấm, cò bạc, mồi dâm. Trong khảo sát thì thấy hiện nay ở vùng ven hiện tượng tiêu cực còn ít nhưng nếu không chỉ đạo cụ thể thì sẽ xảy ra.

4. KẾT LUẬN

Kết quả cho thấy các hộ vùng ven dựa vào 4 nhóm hoạt động chính là (1) Nông nghiệp; (2) Công nhân và làm thuê; (3) Thương mại và dịch vụ; (4) Hoạt động khác. Thay đổi hoạt động sinh kế dẫn đến thay đổi cơ cấu hộ nông dân vùng ven. Tỷ lệ các hộ dựa chủ yếu vào nông nghiệp giảm từ 52,11% năm 2011 xuống còn 40,53% năm 2015. Tỷ lệ các hộ chủ yếu hoạt động nhóm 2 và 3 tăng từ 34,37 lên 52,54%. Tỷ lệ nhóm 4 giảm từ 13,18 xuống 7,13%. Số lượng nghề kiếm sống, thu nhập và điều kiện sống của các hộ đã tăng lên.

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới thay đổi sinh kế hộ gồm thiên tai dịch bệnh; Phát triển đô thị; Các chính sách hỗ trợ; Thay đổi vốn sinh kế và ý thức của hộ. Một số đề xuất gồm: Cung cấp đầy đủ thông tin để tránh rủi ro cho hộ; Thay đổi hoạt động sinh kế phù hợp với thay đổi đô thị trung tâm thành phố; Hỗ trợ nông dân cải thiện vốn sinh kế; Thúc đẩy nông dân sáng tạo thay đổi sinh kế; Hoàn thiện một số chính sách và quy định liên quan tới hộ nông dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ann Whitehead (2002). Tracking Livelihood Change: Theoretical, Methodological and Empirical Perspectives from North-East Ghana. *Journal of Southern African Studies*. Special Issue: Changing Livelihoods, 28(3): 575-598.
- Bộ NN và PTNT (2014). Quyết định phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2014-2020. Số 3367/QĐ-BNN-TT, ngày 31/7/2014
- Chambers R., G. R. Conway (1992). Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century. Discussion Paper 296, Institute of Development Studies, pp. 6, 16)
- Cục thống kê Nam Định (2015). Niên giám thống kê thành phố Nam Định.

Trần Mạnh Tiến (2013). Giải pháp hạn chế đất trồng lúa bỏ hoang trong sản xuất nông nghiệp ở thành phố Nam Định. Báo cáo sáng kiến theo quyết định của UBND thành phố Nam Định năm 2013.

Bùi Văn Tuấn (2015). Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa. Tạp chí Khoa học

ĐHQGHN, 31(5): 96-108

UBND thành phố Nam Định (2011). Chương trình phát triển đô thị thành phố Nam Định giai đoạn năm 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2025. Phê duyệt ngày 18/5/2011.

Viện Ngôn ngữ học (2000). Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2000.